

# Magnolia High School

## Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2023-2024 (Công bố trong năm học 2024-2025)



### Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

#### Tổng quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

Quý vị có thể yêu cầu nhận bản cứng Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học tại Văn Phòng Trường.

#### DataQuest



DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lượng ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

#### Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California



Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

#### Truy cập Internet

Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.

<b>Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)</b>	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ <a href="https://admission.universityofcalifornia.edu/">https://admission.universityofcalifornia.edu/</a> .
<b>Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)</b>	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ <a href="https://www2.calstate.edu/">https://www2.calstate.edu/</a> .

### Thông tin liên lạc của Trường năm học 2024-25

<b>Tên Trường học</b>	Magnolia High School
<b>Đường phố</b>	2450 West Ball Road
<b>Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính</b>	Anaheim, CA 92804-5211
<b>Số điện thoại</b>	(714) 220-4221
<b>Hiệu Trường</b>	Aaron Chau
<b>Địa chỉ email</b>	chau_a@auhsd.us
<b>Trang web của Trường</b>	<a href="https://magnolia.auhsd.us">https://magnolia.auhsd.us</a>
<b>Phạm vi cấp lớp</b>	9-12
<b>Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường (SDS)</b>	30664313034204

### Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2024-25

<b>Tên Khu học chánh</b>	Anaheim Union High School District
<b>Số điện thoại</b>	(714) 999-3511
<b>Giám Đốc Khu Học Chánh</b>	Michael B. Matsuda
<b>Địa chỉ email</b>	webmaster@auhsd.us
<b>Trang web của Khu học chánh</b>	<a href="https://www.auhsd.us">https://www.auhsd.us</a>

### Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

<p><b>Mission Statement:</b> "Magnolia's High School's Mission, in partnership with the home and its richly diverse community, is to educate students and to assist them in realizing their full potential as responsible, productive, contributing members of society by providing an educational environment in which students are challenged, excellence is expected, and differences are valued."</p> <p><b>Targeted Academic Programs</b> Magnolia currently has students taking Advanced Placement exams in English Language and Composition, English Literature, World History: Modern, U.S. History, U.S. Government, Psychology, Calculus, Chemistry, Physics 1, Physics C: Mechanics, Computer Science A, Computer Science Principles, Environmental Science, Spanish Language and Culture, Music Theory and Studio Art.</p> <p>Magnolia High has a strong PUENTE program. PUENTE is a partnership between our school and the University of California that is designed to improve the college-going success of under-served youth.</p>
---

### 21st Century Focused College and Career Preparation

Magnolia High School offers courses that meet University of California A-G requirements, as well as honors courses and Advanced Placement (AP) courses in English, Mathematics, Science, Social Studies, Spanish, and Studio Art. Fifty-five percent of Magnolia High School students are enrolled in Visual and Performing Arts classes and/or interscholastic sports. Magnolia has begun a four-year partnership with Cal State Fullerton's GEARUP program, which will focus on the Class of 2024 throughout their four years of high school, and will provide targeted services to those students such as mentoring, tutoring, virtual and in-person field trips, special programs and workshops, and more. Magnolia also maintains relationships with OCAPICA, ETS, Upward Bound and AVID.

Magnolia's Cybersecurity Institute offers Southern California's first Cybersecurity Career Pathway. We partner with Cypress College and the University of California, Irvine. Students have the opportunity to start the pathway at the Junior High School level, continue to Magnolia High School and then go on to Cypress College to complete industry certifications or go directly to a 4-year university. Students have opportunities to earn industry certifications throughout the Cybersecurity pathway. This exclusive Cybersecurity Pathway where students receive ongoing industry exposure, earn industry certifications and earn dual enrollment college credits. Cybersecurity students completing our CS32 Program will graduate from Magnolia High School with credits toward their AA degree and have the opportunity to earn a Bachelor of Science in Computer Science in three years and guaranteed acceptance into UCI, Cal State Fullerton, and Cal Poly Pomona.

Magnolia High School is the first high school in the nation to offer the Vietnamese Dual Language Immersion Program at the secondary level. It is an academic language program combining with a CTE pathway, Software and Systems Development. Our Vietnamese Dual Language Immersion Program equips students with 21st century world language skills as well as technical skills. This is a CSBA Golden Bell Award Winning Program. Magnolia offers three plural-lingual programs including Spanish, French, and Vietnamese. Students are equipped in their selected world language and world views. Many Magnolia students pursue the Seal of Biliteracy.

Magnolia High School also has the Magnolia Agriscience Community Center (MACC) - A 2.5 acre regenerative urban farm on campus. The farm serves as a learning lab for AUHSD students to understand how to grow food sustainably. We've harnessed the power of the MACC with our Community Schools to create a synergistic mechanism to address the whole child as well as the whole community, which is located in a food desert. The MACC directly addresses the needs of the students by providing access to fresh fruits and vegetables during lunch. In addition, farm-to-fork produce boxes, grown at the MACC, are sold to the public. With each box sold, another box is donated to the surrounding community. The MACC, no doubt, is an asset to the Magnolia community and is open to serve our entire district as well.

MACC Theory to Action: We will strive to educate students, families, and the community about sustainable agricultural practices, food nourishment, and community building. Through this project, we hope to see a social and cultural shift in how our AUHSD community approaches food habits because of their new scientific literacy of cultivating and using their own food grown in their neighborhood.

The following Career Technical Education (CTE) pathways: Cybersecurity, Software and Systems Development, Construction Careers, Health Careers, Digital Photo & Media Arts, Criminal Justice Careers, Protective Services, and Teaching Careers. Magnolia High School has the Junior Reserve Officers' Training Corps (JROTC) program, which has been recognized every year for its excellence. Magnolia High School partners with the local elementary school to allow students in the child development field a chance to work with elementary age students as teacher assistants to learn firsthand about classroom teaching. Magnolia High School offers the following support programs to help close the achievement gap: English language arts (ELA) support classes, monthly Parent Education events, and after-school tutoring services with peer tutors through Anaheim Achieves, a YMCA community partner. At Magnolia High School, our freshman English and Biology classes collaborate to offer all students Civic Engagement opportunities. The students complete a human impact project, which includes addressing a concern in the community or at school. The students research and come up with an action plan to address the concern. The culminating activity is a soap box speech and an essay around their topic. Students then have the opportunity to earn the seal of Civic Engagement on their diploma upon graduation.

## Giới thiệu Trường

### Tuyển sinh năm 2023-24 theo từng khối lớp

Khối lớp	Số lượng học sinh
Lớp 9	435
Lớp 10	387
Lớp 11	416
Lớp 12	424
Tổng tuyển sinh	1,662

### Tuyển sinh năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	45.4
Nam	54.4
Phi nhị giới	0.2
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.2
Người gốc Á	13.6
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	1.7
Người gốc Philippines	2.3
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	74.4
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.8
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	1.1
Người Da Trắng	5.2
Người Học Tiếng Anh	27.3
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.3
Học sinh vô gia cư	5.4
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	89
Học sinh khuyết tật	17.1

## A. Điều kiện học tập

## Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

### Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2020-21

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	48.30	69.34	897.90	74.43	228366.10	83.12
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	3.00	0.25	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	1.30	1.98	49.90	4.14	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0.00	0.00	29.50	2.45	12115.80	4.41
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	20.00	28.66	226.00	18.73	18854.30	6.86
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>69.70</b>	<b>100.00</b>	<b>1206.40</b>	<b>100.00</b>	<b>274759.10</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

### Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	72.80	86.10	1094.60	83.18	234405.20	84.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	8.50	0.65	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	5.10	6.13	73.20	5.56	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0.80	0.95	32.80	2.50	11953.10	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	5.70	6.79	106.80	8.11	15831.90	5.67
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>84.60</b>	<b>100.00</b>	<b>1316.10</b>	<b>100.00</b>	<b>279044.80</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	71.60	86.54	1131.10	84.42	231142.40	83.24
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.60	0.80	12.10	0.90	5566.40	2.00
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.80	1.00	55.40	4.14	14938.30	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	2.10	2.65	41.30	3.09	11746.90	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	7.40	8.99	99.80	7.45	14303.80	5.15
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>82.70</b>	<b>100.00</b>	<b>1340.00</b>	<b>100.00</b>	<b>277698.00</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/Phân công	2020-21	2021-22	2022-23
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	1.70	0
Phân công sai	1.30	3.40	0.8
Vị trí trống	0.00	0.00	0
<b>Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai</b>	<b>1.30</b>	<b>5.10</b>	<b>0.8</b>

## Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.00	0.80	0
Các tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.00	2.1
<b>Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực</b>	<b>0.00</b>	<b>0.80</b>	<b>2.1</b>

## Phân công lớp học

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
<b>Phân công sai cho Người học tiếng Anh</b> (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	13.60	8.7	1.6
<b>Không có bằng cấp, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy</b> (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	11.90	3.3	0.9

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.

## Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2024-25

All content subject areas utilize standards-aligned, State and District adopted textbooks and instructional materials. Teachers have input into the textbook selection process at the district level through an established curriculum cycle. Teachers are given in-depth training on the instructional materials and the ancillary materials that accompany the basic textbook material. Ancillary materials support both the language needs and the learning needs of students.

This information was collected December 2024.

Năm và tháng dữ liệu được thu thập

December 16, 2024

Môn học	Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/năm áp dụng	Từ lần áp dụng gần đây nhất?	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Độc/Ngữ văn	English Language Arts textbooks, Houghton Mifflin Harcourt-Collections, were adopted in 2014-15. There is one textbook available per student.	Yes	0
Toán	Mathematics textbooks, by Houghton Mifflin Harcourt for 7-8 grades and Mc Graw Hill for 9-12 grades were adopted in 2020-21. Course appropriate, standards-aligned instructional materials have been selected for each mathematics course. There is one textbook available per student. All were adopted during the 2020-2021 school year. Math 7/7H & Math 7: Houghton Mifflin Harcourt - Into Math Grade 7 Math 8/8H & Math 8: Houghton Mifflin Harcourt - Into Math Grade 8 Integrated Math I: McGraw Hill - Reveal Math Integrated I Integrated Math II: McGraw Hill - Reveal Math Integrated Math II Integrated Math III: McGraw Hill - Reveal Math Integrated Math III Integrated Math 1-2 HP: McGraw Hill - Reveal Math Integrated I & McGraw Hill - Reveal Math Integrated II Integrated Math 2-3 HP: McGraw Hill - Reveal Math Integrated II & McGraw Hill - Reveal Math Integrated III	Yes	0
Khoa Học	Science textbooks, California HMH Science Dimensions was adopted in 2018-19 for 7 & 8 grades. Science textbooks that support Advanced Placement courses are adopted as needed, the most recent adoption occurring in 2021-22, Pearson Environmental Science AP Edition. The following books were adopted for the 24-25 school year: Living Earth: "Experience Biology: The Living Earth" Publisher Miller & Levine, Savvas Chemistry of the Living Earth : "Experience Chemistry in the Earth System" Savvas Physics of the Universe uses OpenSciEd.org online resource There is one textbook available per student.Science textbooks for grades 7 and 8 Integrated Science were adopted in 2018-19: HMH CA Science Dimensions. The e-text and one consumable textbook is available per student.The following instructional materials were adopted in 2024 for the high school level:Living Earth- Savvas- Miller & Levine- Experience Biology: The Living Earth. All students have access to the e-text and a physical textbook within the classroom. Chemistry in Earth Systems- Savvas- Experience Chemistry in the Earth System All students have access to the e-text and a physical textbook within the classroom. Physics of the Universe- OpenSciEd HS Science Physics is an open educational resource.Textbooks that support	Yes	0

	Advanced Placement science courses are adopted as needed, the most recent adoption occurring in 2024, Cengage, Chemistry AP Edition 11th Edition.		
Lịch sử-Khoa học xã hội	History/Social science textbooks were adopted in 2018-19, 2019-20 and 2020-2021 for 12th grade textbooks. 7th grade-Cengage Learning-World History: Medieval and Early Modern Times, CA Student Edition 8th grade- McGraw-Hill- United States History and Geography- Growth and Conflict 10th grade- McGraw-Hill-World History, Culture, and Geography: The Modern World, CA Student Edition 11th grade- McGraw-Hill- United States History and Geography- Conflict and Change 12th grade- McGraw-Hill- Principles of American Democracy. Savvas- California Economics Principles in Action There is one textbook available per student.	Yes	0
Ngoại ngữ	Foreign Language textbooks were adopted last year. We are currently utilizing Senderos and Chemins from Vista Higher learning. Spanish for Spanish Speakers have adopted 4 new novels to assist with Ethnic Studies. We are currently offering Ethnic studies for SSS2 and SSS3. Our book is online and there are classroom sets for all levels in the classroom. All students have access to the online content as we are a one to one school.  Below is the list of districtwide World Language adopted instructional materials: American Sign Language 1: Master ASL! 1, ISBN: 9781881133209, Adopted: 2017/2018 American Sign Language 2 and American Sign Language 3: Signing Naturally 3, ISBN: 9781581211351, Adopted: 2017/2018 American Sign Language 4: Translating from English, ISBN: 9781581211009, Adopted 2017/2018 Arabic 1: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 1, ISBN: 9781933269092, Adopted 2019/2020 Arabic 2: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 2, ISBN: 9781933269108, Adopted 2019/2020 Arabic 3 and Arabic 4: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 3, ISBN: 9781933269115, Adopted 2019/2020 French 1: Chemins 1, ISBN: 9781543362237, Adopted: 2023/2024 French 2: Chemins 2, ISBN: 9781543362299, Adopted 2023/2024 French 3: Chemins 3, ISBN: 9781543362312, Adopted: 2023/2024 French 4: Chemins 4, ISBN: 9781543362336, Adopted: 2023/2024 AP French Language and Culture: Themes, ISBN: 9781680040272, Adopted: 2015/2016 Japanese 1: Adventures In Japanese 1, ISBN: 781622910564, Adopted: 2015/2016 Japanese 2: Adventures in Japanese 2, ISBN: 9781622910663, Adopted: 2015/2016 Japanese 3: Adventures in Japanese 3, ISBN: 9780887173995, Adopted: 2003/2004 Japanese 4: Adventures in Japanese 4, ISBN: 9780887274428, Adopted: 2003/2004 Korean 1: EPIC Korean 1, ISBN: 9781636849409, Adopted: 2022/2023 Korean 2: EPIC Korean 2, ISBN: 9781636849423, Adopted: 2022/2023 Korean 3: EPIC Korean 3, ISBN: 9781636849447, Adopted: 2023/2024	Yes	0



	<p>Korean 4: EPIC Korean 4, ISBN: 9781636849461, Adopted: 2022-2023</p> <p>Mandarin 1 and Mandarin 2: Zhen Bang! 1, ISBN: 9780821981368, Adopted: 2015/2016</p> <p>Mandarin 3 and Mandarin 4: Zhen Bang! 2, ISBN: 9780821988237, Adopted: 2015/2016</p> <p>Spanish 1: Senderos 1, ISBN: 9781543357936, Adopted: 2023/2024</p> <p>Spanish 2: Senderos 2, ISBN: 9781543358070, Adopted: 2023/2024</p> <p>Spanish 3: Senderos 3, ISBN: 9781543358131, Adopted: 2023/2024</p> <p>Spanish 4: Senderos 4, ISBN: 9781543358193, Adopted: 2023/2024</p> <p>Spanish for Spanish Speakers 1: Cajas de Cartón (The Circuit), ISBN: 9780618226160 (Novel), La Casa De Mango Street (The House on Mango Street), ISBN: 9780679755265 (Novel), El Color de Mis Palabras, ISBN: 9781930332751 (Novel), Esperanza Renace (Esperanza Rising), ISBN: 9780439398855 (Novel), Adopted: 2017</p> <p>Spanish for Spanish Speakers 2: Antes de Ser Libres, ISBN: 9780375815454 (Novel), Caramelo, ISBN: 9781400030996 (Novel), Senderos Fronterizos (Breaking Through), ISBN: 9780618226184 (Novel), La Travesia de Enrique (Enrique's Journey), ISBN: 9780553535549 (Novel), Voces Sin Fronteras (Voices without Frontiers), ISBN: 9781400077199 (Novel), Adopted: 2017</p> <p>Spanish for Spanish Speakers 3: Más Allá de Mí, ISBN: 9780547250311 (Novel), El Alquimista (The Alchemist), ISBN: 9780062511409 (Novel), Cuando Era Puertorriqueña (When I was Puerto Rican), ISBN: 9780679756774 (Novel), Los de Abajo, ISBN: 9780140266214 (Novel), Me Llamo Rigoberta Menchu, ISBN: 9789682313158 (Novel), Adopted: 2017</p> <p>AP Spanish Literature &amp; Culture: Azulejo, ISBN: 9781938026225, Adopted: 2022/2023</p> <p>AP Spanish Language &amp; Culture: Temas, ISBN: 9781543301380, Adopted: 2022/2023 and Abriendo Puertas, ISBN: 9780618222070, Adopted: 2012/2013</p> <p>IB Spanish: Temas Para Español B, ISBN: 9781543310658, Adopted: 2019/2020</p> <p>Vietnamese 1 and Vietnamese 2: Tiếng Việt M?n Yêu A, ISBN: 9780997751208, Adopted 2018/2019</p> <p>Vietnamese 3: Tiếng Việt M?n Yêu B, ISBN: 9780997751215, Adopted 2019/2020</p> <p>Vietnamese 4H and Vietnamese 5H: Tiếng Việt M?n Yêu C, ISBN: 9780997751222, Adopted 2019/2020</p> <p>Vietnamese 6H: Tiếng Việt M?n Yêu D, ISBN: 9780997751231, Adopted 2019/2020</p>		
<b>Sức khỏe</b>	Health textbooks, McGraw Hill-Teen Health for 7-8 grades, and Goodheart Wilcox-Comprehensive Health for High School were adopted in 2016-17. There is one textbook available per student.	Yes	0
<b>Nghệ thuật thị giác và biểu diễn</b>	Visual and performing arts students have access to course appropriate textbooks and instructional materials.	Yes	0
<b>Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	0

Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

## Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Magnolia High School opened in 1961. The 43.7 acre campus includes 60 regular classrooms and a number of portable classrooms. There are 24 labs, which are designed for specific programs (i.e. computer labs, science labs, choral music room, etc.). The site also includes a media center, a gym and pool facility, and a variety of sports fields.

Maintenance and Repair: Site and District maintenance staff ensure that the repairs necessary to keep the school in good repair and working order are completed in a timely manner. A work order process is used to ensure efficient service. Emergency repairs are given the highest priority.

Cleaning Process and Schedule: The District's Board of Trustees has adopted cleaning standards for all schools. The administration works daily with the custodial staff to develop cleaning schedules to ensure a clean and safe school. All classrooms and restrooms are cleaned daily. Deep cleaning, including waxing of floors and painting, takes place during times when students are not in classes. Students, parents, and staff are encouraged to report any objectionable conditions via a uniform complaint procedure.

In August 2009, the front parking lot was completely renovated. The project resulted in more than twice the number of parking spaces in addition to improving the aesthetic appeal of the front of the school.

The most recent site inspection was completed on October 7, 2024. Magnolia high school is receiving 58 Million dollars in construction starting with the complete redesign of our main quad and speed line/cafeteria area that is complete with an outdoor stage and covered eating areas and increased seating capacity. Our tennis courts have been completely redone, our pool will be refurbished and our locker rooms ( shower lockers) and wrestling room will be completely redone. Starting in June of 2022, we will break ground on our new Cybersecurity building that will house main office, registrar, health office, attendance office and 8 state of the art classrooms. We are also scheduled to have a new theatre that will be built after the Cybersecurity building is complete.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất

October, 2024

Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá Tốt	Đánh giá Trung bình	Đánh giá Kém	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc đã lên kế hoạch
<b>Hệ thống:</b> Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			
<b>Nội thất:</b> Bề mặt nội thất	X			
<b>Độ sạch sẽ:</b> Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			
<b>Điện</b>	X			
<b>Nhà vệ sinh/Bồn rửa:</b> Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			
<b>An toàn:</b> An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			
<b>Kết cấu:</b> Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà	X			Water damage and hole in wall, Room 506. Planned Action to be Taken: Repair the water damage and hole in wall in Room 506. Hole in the wall and floor, in Room 806. Planned Action to be Taken: Repair the hole in the wall and floor, in Room 806. Ceiling cracks in the Gym. Planned Action to be Taken: Fix the ceiling cracks in the Gym.
<b>Ngoại thất:</b> Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cống/Hàng rào		X		Black top is uneven, due to tree roots. Planned Action to be Taken: Repair the black top that is uneven, due to tree roots. Sidewalk that is lifting. Planned Action to be Taken: Repair the sidewalk that is lifting.

## Đánh giá chung về cơ sở vật chất

Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
	X		

## B. Kết quả học tập của học sinh

### Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

#### Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang

(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

#### Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm

Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

## Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
<b>Ngữ văn Anh/Đọc viết</b> (lớp 3-8 và 11)	45	52	42	42	46	47
<b>Toán</b> (lớp 3-8 và 11)	20	22	24	24	34	35

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
<b>Tất cả học sinh</b>	412	399	96.84	3.16	51.63
<b>Nữ</b>	186	177	95.16	4.84	54.24
<b>Nam</b>	225	221	98.22	1.78	49.32
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0	0	0	0	0
<b>Người gốc Á</b>	63	60	95.24	4.76	73.33
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Philippines</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	305	298	97.70	2.30	49.33
<b>Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương</b>	--	--	--	--	--
<b>Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da Trắng</b>	16	14	87.50	12.50	42.86
<b>Người Học Tiếng Anh</b>	106	101	95.28	4.72	6.93
<b>Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng</b>	--	--	--	--	--
<b>Học sinh vô gia cư</b>	20	18	90.00	10.00	44.44
<b>Quân đội</b>	23	23	100.00	0.00	34.78
<b>Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn</b>	369	358	97.02	2.98	50.28
<b>Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	65	60	92.31	7.69	18.33

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	410	395	96.34	3.66	21.52
Nữ	185	173	93.51	6.49	17.92
Nam	224	221	98.66	1.34	24.43
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Á	62	59	95.16	4.84	55.93
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	305	296	97.05	2.95	14.19
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	15	14	93.33	6.67	28.57
Người Học Tiếng Anh	104	99	95.19	4.81	7.07
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	20	18	90.00	10.00	11.11
Quân đội	23	23	100.00	0.00	21.74
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	367	354	96.46	3.54	19.49
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	65	59	90.77	9.23	8.47

## Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
<b>Khoa Học</b> (lớp 5, 8 và trung học)	15.94	21.19	28.38	28.30	30.29	30.73

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh lớp năm, lớp tám và trung học. Dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm học sinh	Tổng TUYỂN SINH	Số được khảo thí	Phần trăm được khảo thí	Phần trăm không được khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	811	790	97.41	2.59	21.14
Nữ	375	363	96.80	3.20	17.91
Nam	435	426	97.93	2.07	23.94
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	106	103	97.17	2.83	50.49
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	15	15	100.00	0.00	13.33
Người gốc Philippines	20	19	95.00	5.00	42.11
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	617	603	97.73	2.27	15.75
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	13	11	84.62	15.38	9.09
Người Da Trắng	30	29	96.67	3.33	31.03
Người Học Tiếng Anh	223	214	95.96	4.04	2.80
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	41	38	92.68	7.32	10.53
Quân đội	44	44	100.00	0.00	13.64
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	618	602	97.41	2.59	20.43
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	135	125	92.59	7.41	8.00

## Chương trình Giáo Dục Nghề Nghiệp và Kỹ Thuật 2023-24

Magnolia High School has six career pathways that represent several industries that suit the needs, interests, and demands of its diverse student body. During the 2023-24 school year courses were offered in the following career industry sectors: Arts, Media & Entertainment; Building & Construction Trades; Education, Child Development, and Family Services; Health Science & Medical Technology, and Cybersecurity.

Our CTE pathway courses are designed using the CTE Model Curriculum Standards, ensuring that students are developing the key skills needed to succeed in both school and the workplace. All of our teachers are trained to provide the best possible instruction for all students, including those in CTE pathways, with a focus on First Best Instruction. Our district measures the success of our CTE programs by evaluating the graduation rate, A-G completion rate, post-secondary enrollment, and when possible the career placement of students. This data guides which CTE pathways are offered, as well as the alignment between curriculum and the needs of each industry sector. CTE teachers attend regional advisory boards for each industry sector to stay up to date on the latest trends, skills desired of employers, employment outlook, and post-secondary programs related to the industry sector. These advisory boards are provided by Vital Link, a local non-profit organization that connects businesses with school districts, ensuring that the knowledge gained at the advisory boards represents the surrounding region.

## Chương trình Giáo Dục Nghề Nghiệp và Kỹ Thuật 2023-24

### Tham gia Giáo Dục Nghề Nghiệp và Kỹ Thuật (CTE) năm 2023-24

Thước đo	Tham gia chương trình CTE
Số lượng học sinh tham gia CTE	1107
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình CTE và nhận bằng tốt nghiệp trung học	67.5
Tỷ lệ các khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc liên kết giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học	

### Đăng ký/Hoàn thành khóa học

Bảng này hiển thị các yêu cầu tuyển sinh/hoàn thành khóa học của Đại Học California (UC) và/hoặc Đại Học Tiểu Bang California (CSU).

Thước đo Khóa học UC/CSU	Phần trăm
Học sinh năm 2023-24 đã đăng ký các khóa học bắt buộc để được nhận vào UC/CSU	96.75
Học sinh tốt nghiệp năm 2022-23 đã hoàn thành tất cả các khóa học bắt buộc để được nhận vào UC/CSU	45.56

### B. Kết quả học tập của học sinh Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

### Kết Quả Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang. Việc tổ chức khảo thí PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia của năm lĩnh vực thể lực này. Phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được khảo thí từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Khả năng hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Duỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 9	96	97	97	97	97

### C. Mức độ gắn kết

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh (Ưu tiên 3) Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

### Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

Magnolia High School is proud to offer a family-friendly environment for our students and their families. All parent and family engagement opportunities are listed on our school's website, school marquee and school calendar. Activities and events are advertised to families through recorded telephone messages, emails and flyers. Parent events include PTA meetings, Coffee with the Principal, Cookies with Counselors, Ready, Set, Go!, Parent Leadership Academy and Positive Discipline parenting classes. Additionally, we host Aeries Fiestas, Parent Learning Walks, Parent Saturday Academy, Cash for College Nights, and various Parent Nights. Parents are also invited to participate in School Site Council, English Learners Advisory Committee, Puente Advisory meetings and Cybersecurity Parent Leadership meetings. All family events and activities are offered in English and Spanish, and translation in other languages such as Vietnamese and Arabic is available as well. Our campus is proud to host movie nights that parents can attend with students and younger siblings. Parents are also



## Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

encouraged to becoming involved in our Magnolia Agriscience Community Center (MACC) as parent volunteers or as participants in our Saturday Academy at the MACC. We have invited parents to tour our campus for learning walks in the classrooms and to be involved with the MACC.

At the beginning of the year, all families are invited to attend our annual Back to School Night and at the end of the school year, and our Open House/Steamapalooza in the spring. Both of these events also include resource fairs that provide our families with a variety of services and information. We also host various award nights such as English Language Development Awards, Sports Awards Nights, and Senior Awards Night. This year we plan to host an honor roll dinner and movie night for students and their families. We also have special Cybersecurity Awards Ceremonies and we honor parents for completing the parent leadership academy training and for volunteering and supporting our school.

Our Parent Center is open daily during the regular school year until 4:00pm and is staffed by our Family and Community Engagement Specialist (FACES). We also have a Community School Coordinator as additional support for our parents. All families are welcome to come to the Parent Center to use the computers or to obtain academic and community resources. Magnolia's Family and Community Engagement Specialist, or FACES, assists all parents by providing resources for families and parents to increase the academic achievement of their students. The FACES helps facilitate training and workshops for parents designed to help under-achieving students, such as Ready, Set, Go, Love and Logic and Disciplina Positiva, and the Parent Leadership Academy. Magnolia is now a Community School, with a Community School Coordinator and a teacher lead. The Community Schools Coordinator plans a Community Resource Fair twice a year to provide information and resources to struggling parents. The FACES trains parents on using Aeries and eKadence to monitor students' grades and progress. Magnolia has one Social Worker and sometimes interns available to students daily. District has also provided an additional counselor. The district also assists by providing other workshops and Parent Leadership Academies in languages other than Spanish, and by providing professional development to teachers and staff. The Anaheim Achieves program and CSUF GEAR UP provides tutoring to students, as well as other after-school options for students. Magnolia also has the following programs to assist under-achieving students: ETS, Upward Bound, Project Say, OCAPICA.

### C. Mức độ gắn kết

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh (Ưu tiên 5)

- Tỷ lệ bỏ học bậc Trung học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Nghỉ học triển miên

#### Tỷ lệ bỏ học và Tỷ lệ tốt nghiệp (Tỷ lệ nhóm bốn năm)

Chỉ số	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Tỷ lệ bỏ học	9.3	5.9	9.3	3.6	4.1	4.1	7.8	8.2	8.9
Tỷ lệ tốt nghiệp	86.0	90.1	89.3	92.4	91.0	93.2	87.0	86.2	86.4

#### Tỷ lệ tốt nghiệp năm 2023-24 theo nhóm học sinh (Tỷ lệ nhóm bốn năm)

Bảng này hiển thị tỷ lệ tốt nghiệp năm 2023-24 theo nhóm học sinh. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh bốn năm (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh của CDE tại địa chỉ [www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp](http://www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp).

Nhóm học sinh	Số lượng học sinh trong nhóm	Số lượng tốt nghiệp trong nhóm	Nhóm Tỷ lệ tốt nghiệp
Tất cả học sinh	400	357	89.3
Nữ	186	173	93.0
Nam	214	184	86.0
Phi nhị giới	0.0	0.0	0.0

<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--
<b>Người gốc Á</b>	47	40	85.1
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi</b>	11	10	90.9
<b>Người gốc Philippines</b>	--	--	--
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	309	278	90.0
<b>Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương</b>	--	--	--
<b>Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên</b>	--	--	--
<b>Người Da Trắng</b>	15	13	86.7
<b>Người Học Tiếng Anh</b>	132	106	80.3
<b>Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng</b>	--	--	--
<b>Học sinh vô gia cư</b>	85	74	87.1
<b>Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn</b>	381	345	90.6
<b>Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	64	51	79.7

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

## Vắng mặt thường xuyên năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Ghi danh tích lũy	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	1812	1765	534	30.3
Nữ	814	798	251	31.5
Nam	994	964	283	29.4
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--
Người gốc Á	235	233	27	11.6
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	34	32	17	53.1
Người gốc Philippines	43	41	6	14.6
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	1348	1316	443	33.7
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	16	15	5	33.3
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	19	18	9	50.0
Người Da Trắng	99	93	21	22.6
Người Học Tiếng Anh	528	508	179	35.2
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	17	16	10	62.5
Học sinh vô gia cư	137	124	52	41.9
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	1628	1594	486	30.5
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	319	311	140	45.0

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

### C. Mức độ gắn kết

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6)

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các thước đo địa phương khác về cảm giác an toàn

## Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Đánh giá	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
<b>Đình chỉ</b>	3.7	2.72	1.99	2.75	3.78	4.06	3.17	3.6	3.28
<b>Đuổi học</b>	0	0	0	0	0	0	0.07	0.08	0.07

## Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2023-24

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
<b>Tất cả học sinh</b>	1.99	0.00
<b>Nữ</b>	0.98	0.00
<b>Nam</b>	2.82	0.00
<b>Phi nhị giới</b>	0.00	0.00
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0.00	0.00
<b>Người gốc Á</b>	0.43	0.00
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi</b>	0.00	0.00
<b>Người gốc Philippines</b>	0.00	0.00
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	2.52	0.00
<b>Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương</b>	0.00	0.00
<b>Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên</b>	0.00	0.00
<b>Người Da Trắng</b>	1.01	0.00
<b>Người Học Tiếng Anh</b>	2.84	0.00
<b>Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng</b>	5.88	0.00
<b>Học sinh vô gia cư</b>	4.38	0.00
<b>Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn</b>	2.21	0.00
<b>Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư</b>	0.00	0.00
<b>Học sinh khuyết tật</b>	2.82	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số 0 trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

## Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

The goal of the Magnolia High School/Anaheim Union High School District's Disaster/Safety Preparedness Plan is to prepare employees, students, parents and stakeholders to respond properly in emergency situations. This plan will provide a foundation for uniform planning

## Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

throughout the school-site in order to minimize injury and loss of life. The safety and protection of students, employees, and facilities is of primary importance.

Our School Safety Plan is reviewed, discussed, and updated on an annual basis. Input is gathered from staff, students, and community resource groups (Anaheim Police Department and Anaheim Fire Department) along with the School Site Council in order to determine any needed changes.

Our present School Safety Action Plan was presented by Assistant Principal Randy Poggio in February of 2024, and approved by our School Site Council. We are currently revising our existing plan and will be sharing all changes in an upcoming school-site meeting in January 2025.

We completed an earthquake drill on October 17, 2024 where we reviewed all evacuation procedures with staff and students. We ordered and distributed additional classroom posters with lockdown procedures and protocols and made sure that all newly hired staff were properly trained in emergency procedures. We will have an additional lock down drill and another disaster drill scheduled for the spring of 2024. We purchased disaster emergency buckets for all classrooms and offices.

Additional safety measures include lock blocks on all doors, installation of perimeter fencing due to recent construction Magnolia has received, additional Campus Safety Aide, CSA, and additional lighting of pathways and parking lots. All people checking in to the campus must present ID and scan into the Raptor system.

Air purifiers continue to be used in classrooms and office spaces. Hand sanitizer, hand wipes and masks are encouraged and provided.

## Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2021-22

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2020-21. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	21	36	37	8
Toán	22	29	30	14
Khoa Học	24	17	27	11
Khoa Học Xã Hội	24	17	15	19

## Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	22	32	23	18
Toán	23	26	20	20
Khoa Học	24	18	16	18
Khoa Học Xã Hội	24	15	7	23

## Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2022-23. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	22	32	22	24
Toán	24	25	10	31
Khoa Học	28	13	4	30
Khoa Học Xã Hội	24	20	3	27

## Tỷ lệ Học sinh so với Cố vấn học tập năm 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học thuật. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	277

## Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2023-24

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục “Khác” dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	6
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	
Chuyên gia tâm lý	2
Nhân viên xã hội	1
Y tá	
Chuyên gia về phát âm/ngôn ngữ/thính giác	2
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	
Khác	1

## Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2022-23. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng Chi tiêu Mỗi học sinh	Chi tiêu Mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu Mỗi học sinh (Không hạn chế)	Quy mô Giáo Viên Lương
Trường	\$14,705	\$4,789	\$9,916	\$106,640
Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	10,142	\$110,806
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	-2.3	-3.8
Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	\$10,771	\$105,265
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	-8.3	1.3

## Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2023-24

Magnolia High School receives Title I and LCFF funding. The funds are used to supplement instructional programs, with particular emphasis in English Language Arts, Literacy, English Language Development, and Mathematics. The School Site Council, through the development of the School Plan for Student Achievement (SPSA), approves the expenditures associated with Title I and LCFF. Additionally, Perkins funding supports several Career Technical Education (CTE) pathway programs. Title IV supports Safe Schools and Physical Education programs, and TUPE supports Tobacco Use Prevention Education.

The EMT, Educational Monitoring Team, provides academic support services for struggling students. The 5Cs Coach works with all teachers to provide support in the Career Preparedness Systems Framework, which includes the 5Cs, hard and soft skills, and the Capstone Project, across all disciplines. Magnolia also receives grant money to provide for the MACC - the Magnolia Agriscience Community Center. Other community partners providing funding include AIME Mentorship program, OCAPICA, Project Say, Anaheim Achieves, Upward Bound, and more. Magnolia is also the recipient of California Community School Partnership funding. Magnolia is a Community School, and will be providing services for families and students for the duration of the grant and beyond.

Categorical funds help to enable underperforming students to meet standards by supporting after-school tutoring, providing for bilingual classroom aides and tutors, providing for the FACES in the parent center to facilitate all family engagement, funding professional development conferences, workshops, pull out days and extra hours for teachers and staff, paying for substitutes for those teachers being trained, paying half of the 5 Cs Coach who provides coaching and support for teachers, providing curricular technology and supplies, and providing additional staffing for support classes. These funds also support our Community Schools Program, which is a model program for the state.

## Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2022-23. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Danh mục	Khu học chánh Số tiền	Trung bình của tiểu bang cho các Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	\$61,034	\$62,635
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	\$104,665	\$101,698
Mức lương giáo viên cao nhất	\$133,937	\$128,982
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Tiểu học)	\$0	
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Sơ trung)	\$149,493	\$162,013
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Trung học)	\$161,969	\$182,697
Lương giám đốc	\$328,935	\$298,748
Phần trăm ngân sách dành cho Lương giáo viên	31.58	30.11
Phần trăm ngân sách dành cho lương của Ban giám hiệu	3.97	4.78

## Các khóa học Lớp nâng cao (AP) năm 2023-24

Bảng này hiển thị phần trăm học sinh tham gia các khóa học AP tại trường này.

Tỷ lệ học sinh tham gia các khóa học AP	16.2
---	------

Bảng này hiển thị số lượng khóa học AP được cung cấp tại trường này, nơi có ít nhất một học sinh đăng ký theo học.

Môn học	Số lượng khóa học AP được cung cấp
Khoa học máy tính	0
Tiếng Anh	5
Mỹ thuật và Nghệ thuật biểu diễn	1
Ngoại ngữ	1
Toán	1
Khoa Học	1
Khoa Học Xã Hội	4
<b>Tổng số khóa học AP được cung cấp</b> Có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.	<b>13</b>

## Phát triển Chuyên môn

Teachers participate in a variety of District in-services as well as professional development workshops and conferences to enhance their content knowledge and instructional skills. This is in addition to four professional development days and weekly late-start meetings, which are scheduled each year for professional learning activities. Activities include departments PLCs, PTA development & calibration, and cross-curricular articulation. Teachers who are new to the teaching profession are also required to participate in a teacher induction program, which is supported by the District and mentor teachers. The District and school continue to train teachers in strategies to deliver a differentiated curriculum with depth and complexity. Teachers implement Performance Task Assessments (PTAs) and reflective practices that culminate in



## Phát triển Chuyên môn

a Capstone Interview in a students' senior year. Classified staff members have many opportunities to participate in training designed to enhance their effectiveness with students. All District staff members are supported in their efforts to deliver highly effective lessons. Teachers and administrators are given many opportunities to examine current instructional programs and strategies that align with state curriculum and content standards through the lens of the 5Cs (Critical Thinking, Collaboration, Communication, Creativity, and Character & Compassion). Research-based instructional strategies are reviewed and implemented.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2022-23	2023-24	2024-25
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	10	4	4